

Số: 12/2025/TGG/CBTT

TP.HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP The Golden Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028 7777 9999 Fax:
- Email: info@thegoldengroup.vn Website: <https://thegoldengroup.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023 đã được kiểm toán
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 20/03/2025 tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/>

Tài liệu đính kèm:

BCTC kiểm toán năm 2023

VB giải trình

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Võ Kim Nguyên

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028 7777 9999 Fax:
- Email: info@thegoldengroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần The Golden Group

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	% thay đổi
LNST tại báo cáo hợp nhất	(21.714.035.203)	(159.875.703.415)	138.161.668.212	-86,42
LNST tại báo cáo công ty mẹ	(7.710.302.506)	(55.605.195.931)	47.894.893.425	-86,13

Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính tự lập năm 2023	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023	Chênh lệch	% thay đổi
LNST tại báo cáo công ty mẹ	(11.061.947.836)	(7.710.302.506)	-3.351.645.330	30,30%

Nguyên nhân:

- Trong năm 2023, LNST tại báo cáo tài chính riêng được kiểm toán năm 2023 ít bị lỗ hơn so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu do các bút toán điều chỉnh của kiểm toán năm 2023 như hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi, hoàn nhập chi phí dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con.
 - Trong năm 2023, LNST tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023 ít bị lỗ hơn so với cùng kỳ năm 2022 nguyên nhân chủ yếu do các bút toán điều chỉnh của kiểm toán trong năm 2023 như hoàn nhập chi phí dự phòng khoản phải thu khó đòi, hoàn nhập chi phí dự phòng hàng tồn kho, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, thoái vốn Công ty cổ phần Sametel và đầu tư vào các công ty mới như Công ty TNHH Angimex Furious, Công ty cổ phần HB Pharma, Công ty cổ phần Xây dựng và tư vấn đầu tư.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20 tháng 03 năm 2025, tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

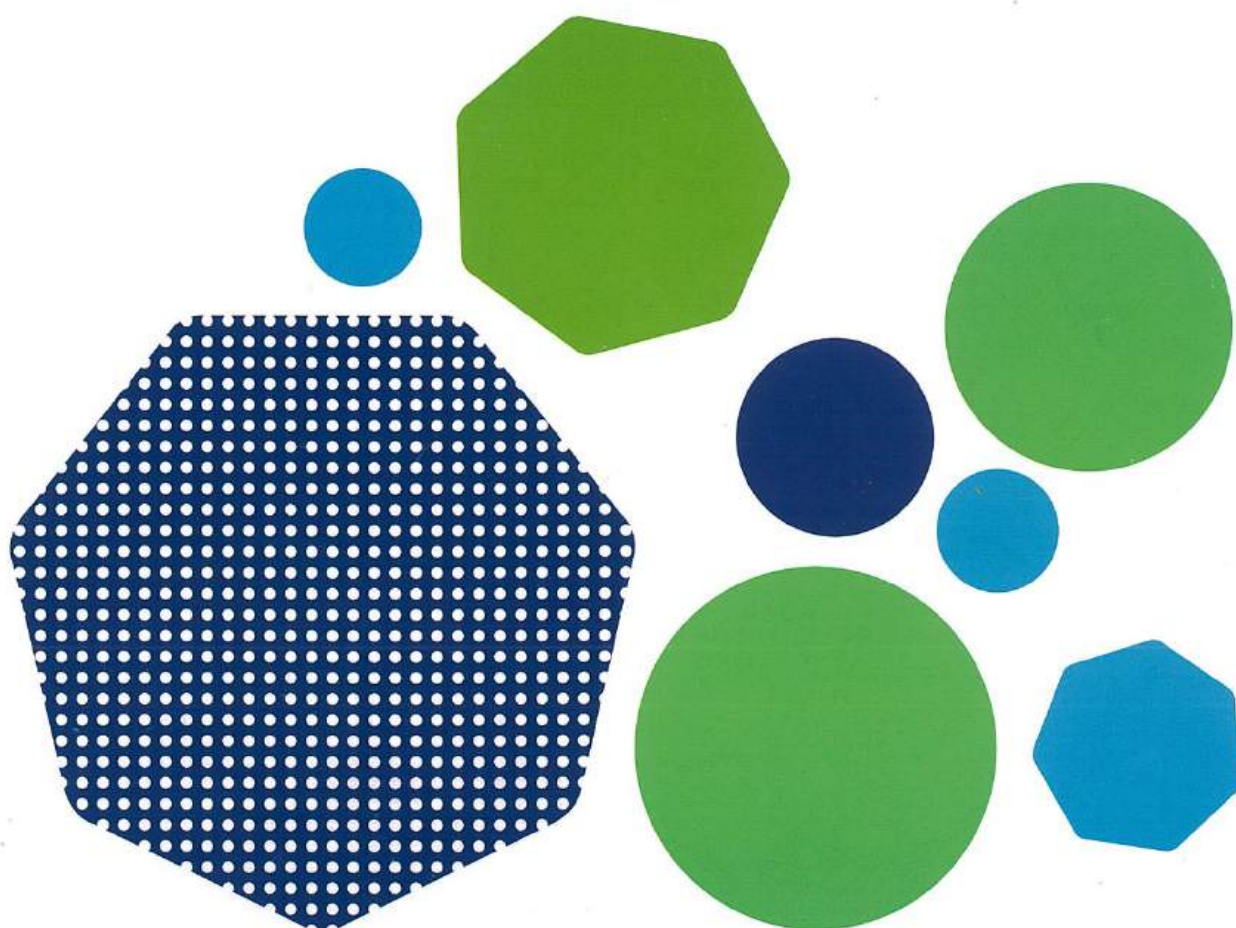
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Kim Nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 11
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	12 - 13
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	14
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	15 - 16
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	17 - 66

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần The Golden Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 từ trang 12 đến trang 66 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần The Golden Group được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thông tin về trụ sở chính: Lầu 7, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 25/05/2018, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TGG.

Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Trước đó, theo Quyết định số 796/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết kể từ ngày 18/12/2023.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Quang Tuấn	Chủ tịch	Ngày 27/03/2023	
Ông Vũ Anh Sinh	Chủ tịch	Ngày 22/07/2022	Ngày 27/03/2023
	Thành viên	Ngày 15/04/2022	
Ông Nguyễn Mai Long	Chủ tịch	Ngày 25/11/2021	Ngày 22/07/2022
	Thành viên		Ngày 22/03/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Phó Chủ tịch	Ngày 25/11/2021	Ngày 26/04/2022
	Thành viên	Ngày 30/06/2021	Ngày 22/03/2023
Ông Lý Thanh Nhã	Thành viên	Ngày 22/03/2023	
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	Ngày 22/03/2023	
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên	Ngày 07/08/2023	
Ông Nguyễn Thomas Thanh	Thành viên	Ngày 22/03/2023	Ngày 07/08/2023
Ông Cao Bá Trung	Thành viên	Ngày 25/11/2021	Ngày 22/03/2023
Ông Ngô Thục Vũ	Thành viên	Ngày 06/09/2021	Ngày 22/03/2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)****Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng ban	Ngày 27/03/2023	
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Trưởng ban	Ngày 08/09/2021	Ngày 22/03/2023
Ông Cao Việt Bách	Thành viên	Ngày 22/03/2023	
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên	Ngày 22/03/2023	
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	Ngày 08/09/2021	Ngày 22/03/2023
Ông Phạm Minh Vương	Thành viên	Ngày 30/06/2021	Ngày 22/03/2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lý Thanh Nhã	Tổng Giám đốc	Ngày 10/04/2023	
Ông Võ Kim Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 10/04/2023	
	Tổng Giám đốc	Ngày 22/07/2022	Ngày 10/04/2023

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến ngày 14/05/2024 là Bà Nguyễn Thị Trúc Linh.

Quyền Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 15/05/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trần Thị Thanh Loan.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 09/04/2023 là Ông Võ Kim Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 10/04/2023 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Lý Thanh Nhã - Tổng Giám đốc Công ty.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo, ngoại trừ các sự kiện đã được nêu tại Thuyết minh số 45.2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lý Thanh Nhã
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần The Golden Group

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần The Golden Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) được lập ngày 18 tháng 03 năm 2025, từ trang 12 đến trang 66, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận số dư của một số khoản mục trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng là 47.585.084.465 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 46.192.334.005 đồng);

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

- Trả trước cho người bán ngắn hạn là 1.353.693.836 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 1.216.881.585 đồng);
- Phải thu về cho vay ngắn hạn là 2.555.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 2.490.000.000 đồng);
- Phải thu ngắn hạn khác là 75.585.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 665.411.507 đồng);
- Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là 9.795.414.653 đồng;
- Phải trả người bán ngắn hạn là 72.547.601.955 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 66.676.379.105 đồng);
- Phải trả ngắn hạn khác là 2.380.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 830.000.000 đồng);
- Phải trả dài hạn khác là 3.080.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 3.080.000.000 đồng).

Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của các khoản công nợ trên cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn.

Chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt của Công ty Cổ phần HB Pharma (Công ty con) tại ngày 31/12/2023, nhưng không đem lại cho chúng tôi đầy đủ cơ sở để đánh giá được tính hiện hữu, tính giá trị của khoản mục “Tiền” (Mã số 111) chi tiết Tiền mặt với số dư tại ngày 31/12/2023 là 1.167.066.903 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không thể thực hiện được. Theo đó, chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hiện hữu, tính giá trị, quyền và nghĩa vụ của số dư tiền mặt của Công ty con này tại ngày 31/12/2023 như nêu trên cũng như những ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 - Hàng tồn kho của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có cơ sở đánh giá khoản mục hàng tồn kho với số dư tại ngày 31/12/2023 là 52.943.398.797 đồng và tại ngày 31/12/2022 là 44.779.635.273 đồng. Cụ thể:

- Tại ngày 31/12/2022 và ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) không thể thực hiện kiểm kê hàng tồn kho do Công ty Cổ phần Louis Holdings đã giữ hộ với giá trị là 12.272.727.273 đồng. Chúng tôi cũng chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận về giá trị hàng tồn kho đang được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần Louis Holdings này tại ngày 31/12/2022 và ngày 31/12/2023. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng thích hợp.
- Tại ngày 31/12/2023, Chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty Cổ phần HB Pharma (Công ty con), nhưng không đem lại cho chúng tôi đầy đủ cơ sở để đánh giá được tính hiện hữu, tính giá trị của khoản mục này với số dư tại ngày 31/12/2023 là 8.163.763.524 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không thể thực hiện được.
- Ngoài ra, chúng tôi cũng không thể tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) với số dư tại ngày 31/12/2023 là 32.506.908.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 32.506.908.000 đồng). Tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023, Tập đoàn đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho số tiền 32.506.908.000 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không thể thực hiện được do giá trị hàng tồn kho này đã bị Ngân hàng phong tỏa từ tháng 5/2022 đến nay cho khoản vay đã quá hạn tại Công ty con này.

Theo đó, Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hiện hữu, giá trị, đánh giá, quyền và nghĩa vụ của số dư hàng tồn kho như đã nêu trên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023 cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 31/12/2022 và ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đang theo dõi trên sổ sách số dư hàng tồn kho được Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) giữ hộ với giá trị là 13.361.179.650 đồng, đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 là 4.181.166.600 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 2.090.583.298 đồng). Giá trị dự phòng giảm giá của số dư hàng tồn kho này được Công ty con này ghi nhận vào khoản mục Giá vốn hàng bán trong năm 2023 là 2.090.583.302 đồng (năm 2022 là 2.090.583.298 đồng). Theo Thư xác nhận của Ladophar, xác nhận số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2023 không phải là tài sản giữ hộ mà Ladophar đang thuê hoạt động hàng năm theo hợp đồng thuê máy móc thiết bị từ năm 2022. Chúng tôi đã không nhận được thư xác nhận phản hồi của Ladophar về số dư hàng tồn kho này tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, theo tài liệu chúng tôi thu thập được, trong tháng 01 năm 2024 Tập đoàn mới bàn giao cho Ladophar thuê. Bên cạnh đó, trong năm 2023, Công ty con này đã ghi nhận doanh thu cho Ladophar thuê tài sản là 2.400.000.000 đồng (năm 2022 là 2.400.000.000 đồng) và giá vốn tương ứng là 1.830.707.376 đồng (năm 2022 là 1.854.795.631 đồng) theo các tài liệu của Công ty con này là không bao gồm cho thuê các tài sản trình bày ở khoản mục hàng tồn kho được giữ hộ tại ngày 31/12/2023 như nêu trên. Theo đó, do có sự không phù hợp giữa các bằng chứng kiểm toán thu thập được, nên chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá số dư và giá trị của các giao dịch này nhằm có những điều chỉnh và trình bày cần thiết (nếu có) đến các khoản mục Hàng tồn kho, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán của dịch vụ cho thuê tài sản, cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu bán hàng phát sinh tại Công ty Cổ phần HB Pharma (Công ty con) với Công ty TNHH Go Joy số tiền là 2.538.774.742 đồng, giá vốn tương ứng là 2.513.835.066 đồng và lợi nhuận gộp là 24.939.676 đồng. Hiện tại, các hồ sơ liên quan đến các giao dịch mua bán chỉ bao gồm Hợp đồng, Phiếu xuất kho và Hóa đơn GTGT. Tuy nhiên, Hợp đồng mua bán và phiếu xuất kho đều không thể hiện địa điểm nhận hàng cụ thể, cũng như các thông tin của người trực tiếp nhận hàng, không có chi phí vận chuyển và các chứng từ liên quan đến cách thức, phương tiện vận chuyển hàng hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, số dư khoản công nợ phải thu liên quan đến giao dịch trên đã thu hồi toàn bộ. Với các tài liệu thu thập được cùng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá tính hiện hữu của các giao dịch mua bán hàng hóa này, cũng như các ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice là đơn vị mà Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã đầu tư góp vốn dài hạn, để có cơ sở đánh giá việc trích lập dự phòng khoản đầu tư này với giá trị khoản đầu tư gốc tại ngày 31/12/2023 là 9.795.414.653 đồng và dự phòng đã trích lập tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023 là 6.621.315.939 đồng. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến giá trị dự phòng cần phải điều chỉnh (nếu có) của khoản đầu tư trên tại ngày 31/12/2023, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG TY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Tại ngày 31/12/2023, Công ty chưa xem xét ảnh hưởng của nội dung ngoại trừ trên Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư để lượng hóa mức độ ảnh hưởng đến giá trị khoản đầu tư của Tập đoàn vào Công ty liên kết này với giá trị gốc là 20.654.000.000 đồng và giá trị theo phương pháp vốn chủ là 20.921.561.631 đồng. Báo cáo tài chính của Công ty liên kết này, Kiểm toán viên đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc không có đầy đủ cơ sở, bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cần phải trích lập của Công ty liên kết này vào Công ty Cổ phần Pomax với giá trị đầu tư gốc là 56.925.000.000 đồng do chưa được trích lập dự phòng. Do đó, chúng tôi cũng không có cơ sở để đánh giá ảnh hưởng của nội dung ngoại trừ này đến khoản lãi lỗ trong Công ty liên doanh liên kết trong năm và giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ tại ngày 31/12/2023, cũng như xác định những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26 - Phải trả khác phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: số dư khoản phải trả khác cho các cá nhân liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh của Dự án Khu du lịch Ao Giời - Suối Tiên tại ngày 31/12/2023 là 3.080.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 3.080.000.000 đồng). Các Hợp đồng hợp tác kinh doanh này không quy định cụ thể về cách thức phân chia, tỷ lệ phân chia, tổng số tiền góp, cũng như tiến độ góp vốn cụ thể của từng bên, các chứng từ chuyển tiền của các đối tượng này cũng chưa rõ thông tin người chuyển tiền, đồng thời có những trường hợp việc chuyển tiền cũng do một số các đối tượng khác thực hiện thay với các nội dung khác nhau. Hiện Dự án này đã bị Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ thu hồi. Chúng tôi đã thực hiện việc gửi thư xác nhận về số vốn góp cho các đối tượng góp vốn nhưng đến thời điểm phát hành Báo cáo này vẫn chưa nhận được phản hồi. Tháng 10/2024, Công ty đã thanh toán lại cho các cá nhân tương ứng với các đối tượng đã nộp vào trước đây là 3.080.000.000 đồng, nhưng Công ty và các cá nhân này chưa thực hiện ký Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo đó, với các tài liệu hiện có cùng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được cụ thể các đối tượng góp vốn, số tiền góp vốn của từng đối tượng, cũng như việc Công ty hoàn trả tiền cho các cá nhân và các quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa. Do đó, chúng tôi không đánh giá được số dư phải trả khác liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần The Golden Group tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại Thuyết minh số 1.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Trước đó, cổ phiếu của Công ty đã bị hủy niêm yết và bị đình chỉ giao dịch.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 45.3 - Thông tin hoạt động liên tục phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Doanh thu hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bị thu hẹp đáng kể, kết quả kinh doanh bị lỗ qua các năm, khoản lỗ phát sinh trong năm 2023 là 16.161.033.043 đồng và tại ngày 31/12/2023 khoản lỗ lũy kế là 171.631.201.471 đồng, khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn có số dư là 248.161.831.291 đồng đã vượt quá tài sản ngắn hạn có số dư là 171.845.943.698 đồng, đồng thời trong năm 2023 một số Công ty con đã tạm ngưng kinh doanh. Đây là các yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã và đang tái cơ cấu lại các khoản đầu tư không hiệu quả và đầu tư mở rộng vào lĩnh vực kinh doanh mới nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cũng như cải thiện kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được Tập đoàn lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 11 và 27 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Vào cuối năm 2022, toàn bộ Tài sản cố định là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022 là 64.579.058.318 đồng đã được Tập đoàn chuyển sang ghi nhận trên khoản mục Phải thu khác tại ngày 31/12/2022, do đã bị Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận phong tỏa để chờ xử lý tài sản thế chấp cho khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn, và đã được Tập đoàn trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2022 là 24.222.808.359 đồng trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc đánh giá toàn bộ tài sản đã thế chấp sau khi Ngân hàng xử lý sẽ đủ đảm bảo cho khoản nợ gốc và lãi vay phải trả tại ngày 31/12/2022 là 40.356.249.959 đồng. Tại ngày 31/12/2023, tổng số tiền gốc và lãi vay phải trả bị quá hạn chưa thanh toán là 44.995.606.635 đồng và đến thời điểm phát hành báo cáo này ước tính là 50.842.240.619 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định toàn bộ tài sản cố định này đã và đang bị Ngân hàng này phong tỏa và đang trong quá trình làm các thủ tục để xử lý tài sản thế chấp. Nếu trong trường hợp số tiền Ngân hàng thu được từ việc xử lý Tài sản thế chấp này không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm của Ngân hàng thì Công ty con này có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay nên chưa có những điều chỉnh cần thiết trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 45.1 “Những khoản nợ tiềm tàng” phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Ngày 22/01/2024, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (“Ladophar”) gửi Công văn số 06/CV-LDP/2024 yêu cầu Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng lớn năm 2022 và năm 2023 cho các tài sản mà Ladophar đang thuê hoạt động với tổng số tiền là 483.325.000 đồng bằng hình thức trừ công nợ. Theo Công văn số 2501/2024/CV-AMC ngày 25/01/2024, Công ty con này đã phản hồi không đồng ý việc thanh toán chi phí nêu trên. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên chưa có văn bản thỏa thuận thống nhất cuối cùng về việc Công ty con này có nghĩa vụ thanh toán khoản chi phí nêu trên hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Như được trình bày tại Thuyết minh số 17 và 45.2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Vào cuối năm 2022, Tập đoàn đã đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và đã điều chỉnh khoản tổn thất này vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 với số tiền là 48.390.000.000 đồng, do ngày 27/02/2024 Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản đầu tư là nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp.HCM cho Ông Nguyễn Xuân Hòa với giá bán là 30.000.000.000 đồng, giá mua ban đầu là 78.390.000.000 đồng và Khách hàng này đã thanh toán cho Công ty con này số tiền 22 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty con này đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		171.845.943.698	90.931.198.103
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	8.464.119.139	41.196.620.607
Tiền	111		8.464.119.139	41.196.620.607
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	16.471.066.642	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.471.066.642	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.472.152.171	19.625.759.670
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	54.163.967.805	48.790.960.905
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	10.398.529.031	1.236.134.085
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	3.155.000.000	2.555.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	77.341.251.509	75.858.436.224
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(110.586.596.174)	(108.814.771.544)
Hàng tồn kho	140	13	104.244.905.285	23.543.323.625
Hàng tồn kho	141		142.124.944.581	58.140.814.923
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.880.039.296)	(34.597.491.298)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.193.700.461	6.565.494.201
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20	783.596.616	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.468.558.364	3.633.973.718
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	2.941.545.481	2.931.520.483
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		229.404.547.187	154.004.243.511
Các khoản phải thu dài hạn	210		48.287.613.583	41.119.886.315
Phải thu dài hạn khác	216	11	72.510.421.942	71.942.694.674
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	12	(24.222.808.359)	(30.822.808.359)
Tài sản cố định	220		92.561.344.088	9.841.472.369
Tài sản cố định hữu hình	221	14	24.763.421.636	1.057.690.220
- Nguyên giá	222		30.479.019.335	1.357.947.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.715.597.699)	(300.257.280)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	6.717.009.873	8.783.782.149
- Nguyên giá	225		10.333.861.356	10.333.861.356
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.616.851.483)	(1.550.079.207)
Tài sản cố định vô hình	227	16	61.080.912.579	-
- Nguyên giá	228		61.497.833.193	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(416.920.614)	-
Bất động sản đầu tư	230	17	30.000.000.000	30.000.000.000
- Nguyên giá	231		30.000.000.000	30.000.000.000
Tài sản dở dang dài hạn	240		356.400.000	356.400.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	356.400.000	356.400.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	19	24.095.660.345	59.020.564.724
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.921.561.631	55.846.466.010
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		9.795.414.653	9.795.414.653
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.621.315.939)	(6.621.315.939)
Tài sản dài hạn khác	260		34.103.529.171	13.665.920.103
Chi phí trả trước dài hạn	261	20	13.140.496.890	12.465.815.529
Lợi thế thương mại	269	21	20.963.032.281	1.200.104.574
TỔNG TÀI SẢN	270		401.250.490.885	244.935.441.614

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		275.785.348.450	146.664.145.258
Nợ ngắn hạn	310		248.161.831.291	119.941.372.272
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	84.732.287.639	73.083.840.859
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	330.461.775	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	255.370.440	290.555.366
Phải trả người lao động	314		1.590.870.654	213.531.523
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	9.090.971.012	3.820.884.706
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		236.064.898	236.064.898
Phải trả ngắn hạn khác	319	26	23.444.422.381	2.989.311.666
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27	127.150.335.764	37.976.136.526
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	1.331.046.728	1.331.046.728
Nợ dài hạn	330		27.623.517.159	26.722.772.986
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		531.146.018	767.210.918
Phải trả dài hạn khác	337	26	3.219.800.000	3.080.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27	3.149.999.890	4.549.999.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	29	20.722.571.251	18.325.562.138
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.465.142.435	98.271.296.356
Vốn chủ sở hữu	410	30	125.465.142.435	98.271.296.356
Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(171.631.201.471)	(155.470.168.428)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(155.470.168.428)	(51.821.324.020)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(16.161.033.043)	(103.648.844.408)
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		21.207.350.451	(22.147.528.671)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		401.250.490.885	244.935.441.614

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Loan

Trần Thị Thanh Loan

Lý Thanh Nhã

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	6.942.243.525	318.396.504.481
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		76.419.357	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	31	6.865.824.168	318.396.504.481
Giá vốn hàng bán	11	32	8.162.505.426	399.296.996.843
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.296.681.258)	(80.900.492.362)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	88.724.772	22.579.151.097
Chi phí tài chính	22	34	5.286.878.511	11.451.673.810
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.286.878.511</i>	<i>4.519.331.243</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(5.714.771.710)	4.846.466.010
Chi phí bán hàng	25	35	795.737.841	87.029.984
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	6.235.969.867	51.624.842.674
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(19.241.314.415)	(116.638.421.723)
Thu nhập khác	31	36	2.986.966	4.629.633
Chi phí khác	32	37	78.698.641	29.518.809.031
Lợi nhuận khác	40		(75.711.675)	(29.514.179.398)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(19.317.026.090)	(146.152.601.121)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	-	24.776.862
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	39	2.397.009.113	13.698.325.432
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(21.714.035.203)	(159.875.703.415)
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		(16.161.033.043)	(103.648.844.408)
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.553.002.160)	(56.226.859.007)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	(592)	(3.797)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	41	(592)	(3.797)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Thanh Loan

Trần Thị Thanh Loan

Lý Thanh Nhã

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(19.317.026.090)	(146.152.601.121)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.139.974.847	6.830.589.037
Các khoản dự phòng	03		(3.675.592.068)	77.483.031.152
Lỗ hoạt động đầu tư	05		5.626.046.938	71.783.266.442
Chi phí lãi vay	06		5.286.878.511	4.519.331.243
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.939.717.862)	14.463.616.753
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09		(2.921.261.826)	101.728.475.863
(Tăng) hàng tồn kho	10		(7.826.280.199)	(24.975.979.320)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		24.287.024.850	(30.787.535.404)
Giảm chi phí trả trước	12		272.826.136	512.434.640
Giảm/(Tăng) chứng khoán kinh doanh	13		-	46.495.520.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(647.838.274)	(1.144.864.794)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24.776.862)	(9.275.356.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.199.975.963	97.016.311.449
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(485.000.000)	(79.856.300.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	10.338.490.986
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.600.000.000)	(8.810.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.255.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(31.206.021.343)	(32.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	46.622.330.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		82.543.952	975.962.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.208.477.391)	(56.974.516.800)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		26.000.000	108.480.022.981
Tiền trả nợ gốc vay	34		(350.000.000)	(111.985.886.495)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.400.000.040)	(5.417.247.522)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.724.000.040)	(1.423.111.036)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(32.732.501.468)	38.618.683.613
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6	41.196.620.607	2.577.936.994
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6	8.464.119.139	41.196.620.607

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Thị Thanh Loan


Trần Thị Thanh Loan


Lý Thanh Nhã

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần The Golden Group (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được đổi tên từ Công ty Cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 là 272.999.900.000 đồng, được chia thành 27.299.990 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính: Lầu 7, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 25/05/2018, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TGG.

Theo Thông báo số 5507/TB-SGDHN ngày 22/12/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty bắt đầu giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/12/2023. Trước đó, cổ phiếu của Công ty đã bị hủy niêm yết và bị đình chỉ giao dịch.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 172 người và tại ngày 01/01/2023 là 19 người.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là không quá 12 tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có 3 Chi nhánh, trong đó Chi nhánh Hòa Bình là đơn vị hạch toán phụ thuộc. Cụ thể:

STT	Các chi nhánh (*)	Địa điểm	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần The Golden Group	Hà Nội	Hoạt động tư vấn quản lý
2	Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group	Phú Thọ	Xây dựng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình	Hòa Bình	Chăn nuôi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)
- 1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)
- (*) Theo Quyết định số 14/2024/TGG/HDQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 11/10/2024, Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của 03 Chi nhánh, cụ thể: Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình, Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group, Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần The Golden Group.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết chi tiết như sau:

Thông tin bổ sung về Công ty con, Công ty liên kết	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
a. Công ty con						
Công ty Cổ phần Golden Paddy (1)	Áp Phú Hòa 2, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.	Kinh doanh gạo	51,00%	46,20%	51,00%	46,20%
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC	14 Nguyễn Văn Vĩnh, phường 4, quận Tân Bình, TP.HCM.	Mua bán tài sản, mua bán nợ	79,82%	79,82%	79,82%	79,82%
Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global (1)	Số 7-9, đường số 7, Khu đô thị Sala, phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM.	Kho vận, dịch vụ giao nhận, logistics	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP (1)	14 Nguyễn Văn Vĩnh, Phường 4, Quận Tân Bình, TP.HCM	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ Nhà nước cấm)	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần HB Pharma (2)	402 – 404 đường Tùng Thiện Vương, Phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh dược phẩm	51,00%	51,00%	0,00%	0,00%
Công ty TNHH Angimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa	51,00%	51,00%	30,00%	30,00%
b. Công ty liên kết						
Công ty TNHH Angimex Furious	Số 26 Trần Hưng Đạo, Khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa	51,00%	51,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng, tư vấn đầu tư.	31,29%	31,29%	0,00%	0,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

(1) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 07/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 03/06/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn tại các Công ty con sau: Công ty Cổ phần Golden Paddy, Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global, dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã thực hiện việc thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty Cổ phần Golden Paddy.

Trước đó, Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global đã tạm ngừng kinh doanh theo Thông báo gửi đến Phòng Đăng ký kinh doanh Tp. HCM từ tháng 01/2024, và Công ty Cổ phần Golden Paddy đã tạm ngưng không sản xuất kinh doanh từ tháng 5/2022.

(2) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 10/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 17/07/2024 và Nghị quyết số 13/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 27/09/2024 sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 10, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty con - Công ty Cổ phần HB Pharma, dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thực hiện thoái vốn tại Công ty con này.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán và hoàn toàn so sánh được cho Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần The Golden Group được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết.

5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 20
Máy móc, thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất đang được khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh nghiệp được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Đối với chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia được phân bổ theo kỳ hạn quy định trên Hợp đồng.

5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.10 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh khi mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, các khoản phí giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh và các khoản lỗ do mua bán chứng khoán kinh doanh.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

5.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong năm bao gồm: hoạt động xây dựng, hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng, tư vấn quản lý, dịch vụ giao nhận, kho vận, logistics.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam do đó không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp, tài sản, nợ phải trả.

5.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Tập đoàn là các Công ty liên kết do Tập đoàn đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các Cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	4.648.690.111	1.112.653.168
Tiền gửi ngân hàng	3.805.429.028	40.083.967.439
Tiền đang chuyển	10.000.000	-
Cộng	8.464.119.139	41.196.620.607

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2023 (VND)			Tại 01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang (*)	16.471.066.642	16.471.066.642	-	-	-	-
Cộng	16.471.066.642	16.471.066.642	-	-	-	-

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang, kỳ hạn tiền gửi từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,2%/năm đến 6,4%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để cầm cố thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	54.163.967.805	(31.153.479.164)	48.790.960.905	(29.484.707.036)
- Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ AKISEI	5.066.250.000	(5.066.250.000)	5.066.250.000	(5.066.250.000)
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.920.000	-	18.022.920.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất Nhập khẩu Gia Thành	11.272.000.000	(11.272.000.000)	11.272.000.000	(11.272.000.000)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	782.832.255	(782.832.255)	871.832.257	-
- Khoản nợ khó đòi mua từ Công ty Cổ phần Sametel	2.042.852.987	(2.042.852.987)	2.492.852.987	(2.492.852.987)
- Công ty TNHH Go Joy	2.741.876.724	-	-	-
- Công ty TNHH Ferino	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
- Công ty TNHH Thương mại Trọng Thị	5.448.010.000	(5.448.010.000)	5.448.010.000	(5.448.010.000)
- Bà Ngô Thị Như Phượng	408.000.000	(408.000.000)	-	-
- Phải thu khách hàng khác	6.579.225.839	(4.333.533.922)	3.817.095.661	(3.405.594.049)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	22.878.003.170	(4.526.554.003)	22.638.474.005	(3.351.594.049)
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.920.000	-	18.022.920.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	782.832.255	(782.832.255)	871.832.257	-
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	113.898.960	(113.898.960)	113.898.960	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice	3.351.594.049	(3.351.594.049)	3.351.594.049	(3.351.594.049)
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex	278.228.739	(278.228.739)	278.228.739	-
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	328.529.167	-	-	-
Cộng	54.163.967.805	(31.153.479.164)	48.790.960.905	(29.484.707.036)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	10.398.529.031	(1.232.705.503)	1.236.134.085	(1.129.653.001)
- Công ty Honda Việt Nam	7.654.150.095	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Nguyễn Thiên Lộc	1.260.677.600	-	-	-
- Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội	550.000.001	(550.000.001)	550.000.001	(550.000.001)
- Chi nhánh Công ty ACC Xi nghiệp Tư vấn thiết kế và Xây dựng ACC	430.000.000	(430.000.000)	430.000.000	(430.000.000)
- Trả trước cho người bán khác	503.701.335	(252.705.502)	256.134.084	(149.653.000)
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	60.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Louis Holdings	60.000.000	-	-	-
Cộng	10.398.529.031	(1.232.705.503)	1.236.134.085	(1.129.653.001)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÂN HÀNG

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice (1)	3.155.000.000	(2.490.000.000)	2.555.000.000	(2.490.000.000)
- Bà Nguyễn Thị Thu Thảo (2)	490.000.000	(490.000.000)	490.000.000	(490.000.000)
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (3)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
- Công ty Cổ phần Louis Holdings	600.000.000	-	-	-
	65.000.000	-	65.000.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.155.000.000	(2.490.000.000)	2.555.000.000	(2.490.000.000)

(1) Là khoản tiền Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP (Công ty con) cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice vay theo Hợp đồng số 1804/2022/HĐVV-PBP-LR ngày 18/04/2022 với thời hạn là 12 tháng và lãi suất 9%/năm.

(2) Là khoản tiền Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP (Công ty con) cho Bà Nguyễn Thị Thu Thảo vay theo Hợp đồng số 1304/2022/HĐVV-PBP-NTTT ngày 13/04/2022 với thời hạn là 12 tháng, lãi suất 12%/năm, và Phụ lục Hợp đồng số 03 ngày 18/04/2022 về việc thay đổi lãi suất từ 12%/năm xuống còn 9%/năm.

(3) Là khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư vay theo Hợp đồng vay vốn số 03/2023/HĐVV-TGG-CIC ngày 13/1/2023 có thời hạn là 12 tháng và lãi suất 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	77.341.251.509	(75.710.411.507)	75.858.436.224	(75.710.411.507)
- Tạm ứng	1.048.000.000	(540.000.000)	559.000.000	(540.000.000)
- Bà Từ Thị Hồng Thanh (1)	75.045.000.000	(75.045.000.000)	75.045.000.000	(75.045.000.000)
- Bảo hiểm y tế	4.679.637	-	-	-
- Thuế GTGT liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính	127.272.732	-	127.272.732	-
- Lãi dự thu từ cho vay	362.812.074	(125.411.507)	125.411.507	(125.411.507)
- Đặt cọc	735.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	18.487.066	-	1.751.985	-
Dài hạn	72.510.421.942	(24.222.808.359)	71.942.694.674	(30.822.808.359)
- Giá trị còn lại của TSCĐ của Công ty con đã bị Ngân hàng thu hồi để xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận (2)	64.579.058.318	(24.222.808.359)	64.579.058.318	(24.222.808.359)
- Ký quỹ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cho Dự án Ao Giời - Suối Tiên (3)	6.600.000.000	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)
- Ký quỹ, ký cược	695.000.000	-	-	-
- Thuế GTGT liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính	286.363.624	-	413.636.356	-
- Khoản ký cược liên quan Hợp đồng cho thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	350.000.000	-	350.000.000	-
Cộng	149.851.673.451	(99.933.219.866)	147.801.130.898	(106.533.219.866)

(1) Bao gồm 02 khoản phải thu sau:

- Là khoản tiền Công ty đã trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10/09/2021. Đến ngày 31/12/2021, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành việc chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty đã trả thừa cho Bà Từ Thị Hồng Thanh là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần Bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa chuyển nhượng cho Công ty là 4.500.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 45.000.000.000 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

11. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

- Là khoản tạm ứng cho Bà Từ Thị Hồng Thanh mua bất động sản tại Ấp An Hòa, Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang. Thời gian hoàn ứng là 12 tháng từ ngày nhận tạm ứng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, giao dịch mua bất động sản vẫn chưa thực hiện và khoản tạm ứng của Bà Từ Thị Hồng Thanh đã được trích lập dự phòng.

(2) Là giá trị còn lại của Tài sản cố định tại ngày 31/12/2022 mà Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) đã thế chấp cho khoản vay quá hạn chưa thanh toán tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận, do toàn bộ tài sản này đã bị Ngân hàng yêu cầu bàn giao, phong tỏa và Ngân hàng đang trong quá trình làm các thủ tục để xử lý tài sản thế chấp theo quy định để trả nợ cho số dư gốc vay và lãi vay quá hạn chưa thanh toán. Nếu trong trường hợp số tiền Ngân hàng thu được từ việc xử lý các Tài sản thế chấp không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm của Ngân hàng thì Công ty Cổ phần Golden Paddy phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu.

Vào cuối năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá toàn bộ số tiền Ngân hàng có thể thu hồi được sau khi Ngân hàng xử lý tài sản cố định đã thế chấp cho khoản vay tối thiểu sẽ đủ đảm bảo cho số dư gốc vay và lãi vay Công ty còn phải trả cho Ngân hàng theo số dư tại ngày 31/12/2022, nên giá trị còn lại của toàn bộ Tài sản cố định này tại ngày 31/12/2022 được Công ty chuyển sang ghi nhận trên khoản mục Phải thu khác là 64.579.058.318 đồng để chờ Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, và Công ty đã trích lập dự phòng số tiền 24.222.808.359 đồng trên cơ sở giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và vô hình tại ngày 31/12/2022 là 64.579.058.318 đồng (TSCĐ hữu hình là 5.231.305.198 đồng và TSCĐ vô hình là 59.347.753.120 đồng) trừ đi số dư gốc vay và lãi vay phải trả tại 31/12/2022 là 40.356.249.959 đồng.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty ghi nhận chi phí lãi vay phải trả tăng thêm trong năm 2023 là 4.639.356.676 đồng, do đó tổng số dư gốc và lãi vay chưa thanh toán lũy kế tại ngày 31/12/2023 là 44.995.606.635 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp nên chưa có những điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

(3) Là khoản tiền ký quỹ Công ty đã nộp ngày 29/06/2021 cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ để đảm bảo thực hiện dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên tại Tiểu khu 48, xã Quán Khê, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2237/QĐ-UBND ngày 29/08/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ. Dự án đã bị thu hồi theo Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 23/09/2022 về việc "Chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ".

Ngày 16/10/2024, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền ký quỹ nêu trên theo Thông báo số 64/TB-SKH&ĐT của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Phú Thọ ngày 08/10/2024 về việc "Hoàn trả một phần số tiền đã ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án: Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên, huyện Hạ Hòa". Do đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ số dư dự phòng đã trích lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	118.987.803.107	(110.586.596.174)	115.414.771.544	(115.414.771.544)
Bà Từ Thị Hồng Thanh	75.045.000.000	(75.045.000.000)	75.045.000.000	(75.045.000.000)
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice	3.881.854.871	(3.881.854.871)	3.881.854.871	(3.881.854.871)
Ký quỹ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ	6.600.000.000	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ AKISEI	5.066.250.000	(5.066.250.000)	5.066.250.000	(5.066.250.000)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất Nhập khẩu Gia Thành	11.272.000.000	(11.272.000.000)	11.272.000.000	(11.272.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Trọng Thị	5.448.010.000	(5.448.010.000)	5.448.010.000	(5.448.010.000)
Khoản nợ khó đòi mua từ Công ty Cổ phần Sametel	2.042.852.987	(2.042.852.987)	2.492.852.987	(2.492.852.987)
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	2.085.150.685	(2.085.150.685)	2.085.150.685	(2.085.150.685)
Công ty TNHH Ferino	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
Công ty TNHH Kiến trúc và Chuyển giao Công nghệ Hà Nội	550.000.001	(550.000.001)	550.000.001	(550.000.001)
CN Công ty ACC Xi nghiệp Tư vấn thiết kế và Xây dựng ACC	430.000.000	(430.000.000)	430.000.000	(430.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - CN Phú Thọ	66.653.000	(66.653.000)	66.653.000	(66.653.000)
Trung tâm Tư vấn và Phát triển Lâm nghiệp	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
Công ty Cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU	33.000.000	(33.000.000)	33.000.000	(33.000.000)
Bà Lê Thị Minh Quân	540.000.000	(540.000.000)	540.000.000	(540.000.000)
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Lương thực Thực Phẩm Thiên Vũ	54.000.000	(54.000.000)	54.000.000	(54.000.000)
Bà Ngô Thị Như Phương	408.000.000	(408.000.000)	-	-
Các Khách hàng khác	3.615.031.563	(1.813.824.630)	1.801.206.933	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa (*)	139.235.181.387	(37.880.039.296)	58.140.814.923	(34.597.491.298)
Hàng gửi bán	2.889.763.194	-	-	-
Cộng	142.124.944.581	(37.880.039.296)	58.140.814.923	(34.597.491.298)

(*) Bao gồm:

- Số dư hàng hóa của Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) là các loại gạo đã được trích lập dự phòng giảm giá toàn bộ với số tiền 32.506.908.000 đồng. Công ty đánh giá lượng hàng tồn kho này không còn dùng được do đã tồn kho từ lâu và quá hạn sử dụng, đồng thời Ngân hàng hiện đang phong tỏa kho gạo này do khoản nợ vay quá hạn chưa thanh toán nên các điều kiện khách quan về việc bảo quản kho gạo không đảm bảo làm ảnh hưởng đến chất lượng gạo.
- Số dư hàng hóa của Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) là các loại máy móc thiết bị Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC mua thanh lý từ Công ty Cổ phần Louis Holdings và Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) để bán lại cho các đối tác tiềm năng. Tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023, toàn bộ số dư hàng hóa này với giá trị 25.633.906.923 đồng đang được gửi tại Nhà máy của Công ty Cổ phần Louis Holdings là 12.272.727.273 đồng và Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) là 13.361.179.650 đồng, đã được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 4.181.166.600 đồng.
- Số dư hàng hóa của Công ty TNHH Angimex Furious là 72.930.602.940 đồng, đã trích lập dự phòng lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 1.191.964.696 đồng. Tại ngày 31/12/2023, một phần giá trị hàng tồn kho của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng như được trình bày tại Thuyết minh số 27 - Vay và nợ thuê tài chính phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Số dư hàng hóa của Công ty Cổ phần HB Pharma (Công ty con) là 8.163.763.524 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Tại 01/01/2023

- Tăng do hợp nhất
- Tăng do hợp nhất (hoán đổi tài sản) (*)
- Giảm do hợp nhất (hoán đổi tài sản) (*)
- Mua trong năm

Tại 31/12/2023

HAO MÓN LŨY KẾ

Tại 01/01/2023

- Tăng do hợp nhất
- Giảm do hợp nhất (hoán đổi tài sản) (*)
- Khấu hao trong năm

Tại 31/12/2023

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 01/01/2023

Tại 31/12/2023

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
	-	-	-	1.357.947.500	1.357.947.500
	17.639.958.335	1.200.000.000	850.023.115	1.345.435.935	21.035.417.385
	10.733.722.298	-	-	-	10.733.722.298
	(2.732.067.848)	-	-	-	(2.732.067.848)
	-	84.000.000	-	-	84.000.000
	25.641.612.785	1.284.000.000	850.023.115	2.703.383.435	30.479.019.335
	(4.445.070.521)	(213.900.043)	(497.148.267)	(300.257.280)	(300.257.280)
	597.971.176	-	-	-	597.971.176
	-	(7.333.330)	-	(271.589.497)	(278.922.827)
	(3.847.099.345)	(221.233.373)	(497.148.267)	(1.150.116.714)	(5.715.597.699)
	-	-	-	1.057.690.220	1.057.690.220
	21.794.513.440	1.062.766.627	352.874.848	1.553.266.721	24.763.421.636

(*) Là nguyên giá của 4 quyền sử dụng đất với tổng giá trị là 8.001.654.450 đồng và tài sản gắn liền trên đất (ghi nhận ở TSCĐ hữu hình) với giá trị nguyên giá là 2.732.067.848 đồng, khấu hao lũy kế là 597.971.176 đồng là các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang (Công ty mẹ của Công ty TNHH Angimex Furious) nhưng chưa hoàn tất được thủ tục sang tên cho Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con). Trong năm 2023, Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con) đã hoàn trả các tài sản này cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang và nhận lại các tài sản theo giá trị định giá tương ứng theo Biên bản giao nhận số 511/BBGN-XNK ngày 30/09/2023 được ký kết giữa hai bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 1.018.876.588 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 0 đồng).

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 0 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 0 đồng).

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2023	10.333.861.356	10.333.861.356
- Thuê tài chính trong năm	-	-
Tại 31/12/2023	<u>10.333.861.356</u>	<u>10.333.861.356</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2023	(1.550.079.207)	(1.550.079.207)
- Khấu hao trong năm	(2.066.772.276)	(2.066.772.276)
Tại 31/12/2023	<u>(3.616.851.483)</u>	<u>(3.616.851.483)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2023	<u>8.783.782.149</u>	<u>8.783.782.149</u>
Tại 31/12/2023	<u>6.717.009.873</u>	<u>6.717.009.873</u>

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2023	-	-	-
- Tăng tài sản do hợp nhất	68.384.367.643	680.120.000	69.064.487.643
- Giảm do hợp nhất (hoán đổi tài sản) (*)	(8.001.654.450)	-	(8.001.654.450)
- Mua trong năm	-	435.000.000	435.000.000
Tại 31/12/2023	<u>60.382.713.193</u>	<u>1.115.120.000</u>	<u>61.497.833.193</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2023	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(369.724.498)	(369.724.498)
- Khấu hao trong năm	-	(47.196.116)	(47.196.116)
Tại 31/12/2023	-	<u>(416.920.614)</u>	<u>(416.920.614)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2023	-	-	-
Tại 31/12/2023	<u>60.382.713.193</u>	<u>698.199.386</u>	<u>61.080.912.579</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 43.065.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 0 đồng).

Tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang tại ngày 31/12/2023 là giá trị quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 27 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

(*) Là nguyên giá của 4 quyền sử dụng đất với tổng giá trị là 8.001.654.450 đồng và tài sản gắn liền trên đất (ghi nhận ở TSCĐ hữu hình) với giá trị nguyên giá là 2.732.067.848 đồng, khấu hao lũy kế là 597.971.176 đồng là các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang (Công ty mẹ của Công ty TNHH Angimex Furious) nhưng chưa hoàn tất được thủ tục sang tên cho Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con). Trong năm 2023, Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con) đã hoàn trả các tài sản này cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang và nhận lại các tài sản theo giá trị định giá tương ứng theo Biên bản giao nhận số 511/BBGN-XNK ngày 30/09/2023 được ký kết giữa hai bên.

17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại 01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại 31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (*)				
Nguyên giá	78.390.000.000	-	-	78.390.000.000
- Nhà và quyền sử dụng đất	78.390.000.000	-	-	78.390.000.000
Tồn thất do suy giảm giá trị	48.390.000.000	-	-	48.390.000.000
- Nhà và quyền sử dụng đất	48.390.000.000	-	-	48.390.000.000
Giá trị còn lại	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
- Nhà và quyền sử dụng đất	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000

(*) Là giá trị nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, có thời hạn sử dụng đất lâu dài. Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) nhận chuyển nhượng từ Ông Lê Quang Nhuận. Ngày 27/02/2024, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC đã ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản đầu tư là nhà ở và quyền sử dụng đất này cho Ông Nguyễn Xuân Hòa với giá bán là 30 tỷ đồng, giá đã mua ban đầu như đã trình bày ở trên là 78,39 tỷ đồng. Do đó vào cuối năm 2022, Công ty đã đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư này với giá trị tồn thất là 48.390.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các bên đã hoàn thành thủ tục chuyển quyền sở hữu cho Ông Nguyễn Xuân Hòa và Khách hàng này đã thanh toán số tiền 22 tỷ đồng.

18. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định là xe tải thùng	356.400.000	356.400.000
Cộng	356.400.000	356.400.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ
a. Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư (1)	20.654.000.000	20.921.561.631	-	-
- Công ty TNHH Angimex Furious (2)	-	-	51.000.000.000	55.846.466.010
Cộng	20.654.000.000	20.921.561.631	51.000.000.000	55.846.466.010

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice (3)	9.795.414.653	(6.621.315.939)	3.174.098.714	9.795.414.653	(6.621.315.939)	3.174.098.714
Công	9.795.414.653	(6.621.315.939)	3.174.098.714	9.795.414.653	(6.621.315.939)	3.174.098.714

(1) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư theo các Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần trong tháng 05,06,07,11/2023 với các Cổ đông cá nhân về việc chuyển nhượng toàn bộ và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư cho Công ty với số lượng cổ phần là 2.065.400 cổ phần, tương đương tỷ lệ sở hữu là 31,29% và tỷ lệ quyền biểu quyết là 31,29%.

(2) Ngày 30/12/2021, Công ty Cổ phần The Golden Group đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp Công ty TNHH Angimex Furious từ Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang với giá trị phần vốn góp tại ngày 31/12/2021 là 49.000.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 49%. Ngày 23/12/2022, Công ty đã chuyển nhượng lại 19.000.000.000 đồng phần vốn góp cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang, tương đương tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 19%. Do đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 30%.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1912/HĐCN/2023 ngày 19/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang về việc chuyển nhượng toàn bộ và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tại Công ty TNHH Angimex Furious cho Công ty với tỷ lệ sở hữu 21% vốn điều lệ với giá trị chuyển nhượng là 21.000.000.000 đồng. Sau khi việc chuyển nhượng này hoàn thành, Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Angimex Furious tại ngày 31/12/2023 là 51%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

(3) Là khoản đầu tư Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã nhận chuyển nhượng phần góp vốn Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice) từ Công ty Cổ phần Louis Holdings với giá trị phần góp vốn là 7.193.000.000 đồng, tương đương với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 10%. Công ty con này chưa đánh giá lại giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2023 của khoản đầu tư này do chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Louis Rice cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	783.596.616	-
- Chi phí thuê mặt bằng	552.200.000	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	115.175.316	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	116.221.300	-
Dài hạn	13.140.496.890	12.465.815.529
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.049.323.165	171.443.244
- Chi phí thuê văn phòng (*)	12.091.173.725	12.294.372.285
Cộng	13.924.093.506	12.465.815.529

(*) Là khoản chi phí trả trước về việc thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5 (S1-S3) HDCTMB-SME-HG ngày 20/06/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty Cổ phần The Golden Group (Công ty mẹ). Tổng diện tích thuê là 582 m2, thời hạn cho thuê từ tháng 06/2016 đến hết tháng 06/2058, tổng giá trị tiền thuê cố định theo Hợp đồng là 16.000.000.000 đồng (bao gồm thuế GTGT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

21. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Số đầu năm

- Tăng trong năm
- Phân bổ lợi thế thương mại

Số cuối năm

Năm 2023	Năm 2022
VND	VND
1.200.104.574	2.514.466.411
22.510.011.335	-
(2.747.083.628)	(1.314.361.837)
20.963.032.281	1.200.104.574

Giá trị còn lại lợi thế thương mại phát sinh khi mua các Công ty con như sau:

Chi tiết

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC

Công ty TNHH Angimex Furious

Cộng

Tai 31/12/2023	Tai 01/01/2023
VND	VND
1.050.091.502	1.200.104.574
19.912.940.779	-
20.963.032.281	1.200.104.574

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	84.732.287.639	84.732.287.639	73.083.840.859	73.083.840.859
- Công ty Cổ phần Golden Paddy SG	46.439.759.105	46.439.759.105	46.439.759.105	46.439.759.105
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.920.000	18.022.920.000	18.022.920.000	18.022.920.000
- Công ty Cổ phần Pomax	9.172.790.968	9.172.790.968	-	-
- CN Công ty TNHH Honda Việt Nam tại TPHCM	2.761.155.443	2.761.155.443	-	-
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	-	-	169.774.936	169.774.936
- Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	-	-	33.695.897	33.695.897
- Phải trả người bán khác	8.335.662.123	8.335.662.123	8.417.690.921	8.417.690.921
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	73.635.470.073	73.635.470.073	64.943.349.938	64.943.349.938
- Công ty Cổ phần Golden Paddy SG	46.439.759.105	46.439.759.105	46.439.759.105	46.439.759.105
- Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	18.022.920.000	18.022.920.000	18.022.920.000	18.022.920.000
- Công ty Cổ phần Pomax	9.172.790.968	9.172.790.968	-	-
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	-	-	169.774.936	169.774.936
- Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	-	-	33.695.897	33.695.897
- Công ty Cổ phần Louis Land	-	-	277.200.000	277.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Các đối tượng khác

Người mua trả tiền trước dài hạn

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
	330.461.775	-
	330.461.775	-
	-	-
	-	-

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải thu, phải nộp

Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

- Các khoản lệ phí, phạt thuế

- Các loại thuế khác

	Tại 01/01/2023		Tăng do hợp nhất		Số phát sinh trong năm		Tại 31/12/2023	
	Phải thu VND	Phải trả VND	Phải thu VND	Phải trả VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải trả VND
	2.931.520.483	290.555.366	-	719.226.202	2.668.081.537	3.432.517.663	2.941.545.481	255.370.440
Thuế và các khoản phải thu, phải nộp	2.931.520.483	290.555.366	-	719.226.202	2.668.081.537	3.432.517.663	2.941.545.481	255.370.440
Nhà nước								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-	-	670.584.889	2.396.506.477	3.067.091.366	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.931.520.483	239.850.066	-	-	-	24.776.862	2.931.520.483	215.073.204
- Thuế thu nhập cá nhân	-	50.705.300	-	48.641.313	239.975.201	309.049.576	10.024.998	40.297.236
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	-	-	-	25.159	25.159	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	31.574.700	31.574.700	-	-
Cộng	2.931.520.483	290.555.366	-	719.226.202	2.668.081.537	3.432.517.663	2.941.545.481	255.370.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

25. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.090.971.012	3.820.884.706
- Chi phí lãi vay phải trả	8.642.971.012	3.790.884.706
- Chi phí thuê văn phòng	360.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	88.000.000	30.000.000
Cộng	9.090.971.012	3.820.884.706

26. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	23.444.422.381	2.989.311.666
- Kinh phí công đoàn	46.931.666	46.931.666
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	4.059.672	-
- Nhận đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất (1)	16.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang	4.004.004.007	-
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình (2)	2.100.000.000	2.100.000.000
- Bà Mai Thị Kim Phụng	-	680.000.000
- Bà Võ Trịnh Ngân Giang	150.000.000	150.000.000
- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.139.427.036	12.380.000
Dài hạn	3.219.800.000	3.080.000.000
- Thu tiền hợp tác kinh doanh dự án "Khu Du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên" (3)	3.080.000.000	3.080.000.000
+ Ông Bùi Mạnh Hùng	1.870.000.000	1.870.000.000
+ Bà Ngô Thị Huyền	594.000.000	594.000.000
+ Ông Nguyễn Huy Nam	286.000.000	286.000.000
+ Bà Dương Thị Vinh	330.000.000	330.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	139.800.000	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	26.664.222.381	6.069.311.666

(1) Là khoản tiền đặt cọc Công ty nhận từ Bà Lê Thị Mai Hòa liên quan đến hợp đồng đặt cọc ngày 20/12/2023 về việc chuyển nhượng Bất động sản đầu tư là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 15 tại 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM là 16.000.000.000 đồng. Đến tháng 03/2024, Công ty và Bà Lê Thị Mai Hòa đã thống nhất thanh lý hợp đồng đặt cọc, không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này.

(2) Là khoản tiền Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình hỗ trợ cho Công ty thực hiện dự án "Dự án Trang trại chăn nuôi lợn theo hướng Công nghiệp" tại Xóm Phương Viên, thị xã Tân Thành, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận đầu tư số 25121000446 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 13/05/2014, cấp thay đổi lần thứ hai ngày 06/03/2015. Theo Giấy chứng nhận đầu tư: tổng vốn đầu tư của dự án là 150 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, dự án đã chấm dứt hoạt động theo Quyết định số 71/QĐ-SKHĐT ngày 07/06/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

26. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

(3) Là khoản thu tiền hợp tác kinh doanh dự án “Khu Du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên” theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh giữa các cá nhân với Công ty Cổ phần Louis Capital (tên cũ của Công ty). Các Hợp đồng Hợp tác kinh doanh này không quy định cụ thể về cách thức phân chia, tỷ lệ phân chia, tổng số tiền góp, cũng như tiến độ góp vốn cụ thể của từng bên, các chứng từ chuyển tiền của các cá nhân này chưa rõ thông tin người chuyển tiền, đồng thời có những trường hợp việc chuyển tiền cũng do một số các đối tượng khác thực hiện thay với các nội dung khác nhau. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Dự án đã bị thu hồi theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Ngày 16/10/2024, Công ty đã hoàn trả cho các cá nhân số tiền 3.080.000.000 đồng theo Quyết định số 65/2024/TGG/TGĐ-QĐ của Tổng Giám đốc Công ty ngày 15/10/2024 về việc hoàn tiền ký quỹ dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên, số tiền hoàn trả cho mỗi cá nhân tương ứng với số tiền và tài khoản Ngân hàng mà các cá nhân này trước đó đã nộp vào Công ty.

Trước đó, trong năm 2021, Công ty đã kết chuyển một phần khoản Phải trả khác về hợp đồng hợp tác kinh doanh của các cá nhân này vào kết quả kinh doanh số tiền 3.073.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty và các cá nhân này chưa thực hiện ký Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2023		Trong năm		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm/Điều chỉnh VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Giá trị VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	127.150.335.764	127.150.335.764	1.400.000.040	1.750.000.040	89.524.199.238	37.976.136.526
a. Vay ngắn hạn ngân hàng	127.150.335.764	127.150.335.764	1.400.000.040	1.400.000.040	89.174.199.238	37.976.136.526
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang (1)	89.174.199.238	89.174.199.238	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận (2)	36.576.136.486	36.576.136.486	-	-	-	36.576.136.486
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (3)	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040	1.400.000.040	-	1.400.000.040
b. Vay ngắn hạn tổ chức	-	-	-	350.000.000	350.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Pomax	-	-	-	350.000.000	350.000.000	-
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	3.149.999.890	3.149.999.890	-	1.400.000.040	-	4.549.999.930
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM (3)	3.149.999.890	3.149.999.890	-	1.400.000.040	-	4.549.999.930
Cộng	130.300.335.654	130.300.335.654	1.400.000.040	3.150.000.080	89.524.199.238	42.526.136.456

Thông tin các khoản nợ thuế tài chính

Thời hạn	Năm 2023		Năm 2022	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
- Từ 1 năm trở xuống	1.828.738.842	428.738.802	2.042.954.190	642.954.150
- Trên 1 đến 5 năm	3.558.250.080	408.250.190	5.453.287.547	903.287.617
Cộng	5.386.988.922	836.988.992	7.496.241.737	1.546.241.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Là khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH Angimex Furious (Công ty con) với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc An Giang, mục đích khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 6,9%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các tài sản cố định, hàng hóa và các công nợ phải thu của Công ty con này. Cụ thể tài sản đảm bảo gồm:

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2024/14563416/HĐBĐ ngày 25 tháng 1 năm 2024 với tổng giá trị các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là 16.471.066.642 đồng
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2022/14563416/HĐBĐ ngày 14 tháng 1 năm 2022 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 12 tại Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang. Giá trị tài sản đảm bảo được đánh giá lại tại ngày 19/01/2024 là 20.953.643.864 đồng.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2022/14563416/HĐBĐ ngày 18 tháng 03 năm 2022 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 70, tờ bản đồ số 41 tại Phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, với giá trị tài sản thế chấp là 20.115.645.440 đồng. Giá trị tài sản đảm bảo được đánh giá lại tại ngày 19/01/2024 là 19.421.928.900 đồng.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 05/2022/14563416/HĐBĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 gồm:
 - + Quyền sử dụng đất thửa đất số 27, tờ bản đồ số 12 tại Phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.
 - + Quyền sử dụng đất thửa đất số 92, tờ bản đồ số 12 tại Phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.Tổng giá trị tài sản thế chấp là 19.999.999.918 đồng.
- Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/14563416/HĐBĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, tài sản thế chấp ban đầu theo Hợp đồng này là toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ vốn vay BIDV bao gồm hàng mua đang đi trên đường, nguyên vật liệu, công cụ dụng, thành phẩm, bán thành phẩm, hàng hóa đã hoặc sẽ hình thành để Công ty phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2023 sử dụng để thế chấp cho khoản vay theo Biên bản định giá lại tài sản thế chấp là: 75.820.366.134 đồng.
- Theo Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số 02/2022/14563416/HĐBĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, tài sản thế chấp ban đầu theo Hợp đồng này là toàn bộ các khoản phải thu đã hoặc sẽ hình thành được tài trợ từ vốn vay của BIDV. Giá trị khoản phải thu tại 31/12/2023 dùng để thế chấp căn cứ theo Biên bản định giá lại tài sản thế chấp ngày 26/02/2024 là: 2.725.645.194 đồng.

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 57/2021/HĐHM-PN/SHB.130111 ngày 24/05/2021 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận và Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con). Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay theo từng Giấy nhận nợ, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tài sản thế chấp được thể hiện:

- Hợp đồng thế chấp số 58/2021/HĐTC-PN/SHB.130111 ngày 24/05/2021 với giá trị Tài sản đảm bảo là 19.748.900.000 đồng, bao gồm: Thế chấp quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại các thửa đất số 88,101 tờ bản đồ số 25 tại Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang, và thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 99 tờ bản đồ số 25 tại Xã An Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang.
- Hợp đồng thế chấp số 59/2021/HĐTC-PN/SHB.130111 ngày 24/05/2021 với giá trị Tài sản đảm bảo là 14.498.900.000 đồng, bao gồm: Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 75 tờ bản đồ số 58 tại Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang.
- Hợp đồng thế chấp số 77/2021/HĐTC-PN/SHB.130111 ngày 01/11/2021 với giá trị Tài sản đảm bảo là 16.920.000.000 đồng: Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 81 tờ bản đồ số 58 tại Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang.
- Phụ lục Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL01-57/2021/HDHM-PN/SHB.130111 với các tài sản thế chấp bao gồm:
 - Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 88, 99, 101 tờ bản đồ số 25 tại xã An Hòa, Huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
 - Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 58 tại xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
 - Giấy tờ có giá/ Hợp đồng tiền gửi hoặc các bất động sản và động sản (thuộc quyền sở hữu của Bên B/ cổ đông, ban giám đốc/ cha, mẹ, vợ, chồng, con ruột, anh chị em ruột của cổ đông, Ban giám đốc của bên B).

Khoản vay này của Công ty Cổ phần Golden Paddy (Công ty con) đã bị quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 40.356.249.959 đồng (gốc vay là 36.576.136.486 đồng và lãi vay là 3.780.113.473 đồng). Theo quy định trên các Hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng, Thông báo số 1754/2022/TB-SHB ngày 04/05/2022 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội về việc thu hồi khoản nợ, yêu cầu trả nợ hoặc tự nguyện bán giao tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi nợ và theo Thông báo số 1137/2023/TB-SHB của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ngày 21/03/2023 về việc xử lý tài sản đảm bảo, toàn bộ các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đang bị Ngân hàng phong tỏa và đang trong quá trình làm các thủ tục để xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Nếu trong trường hợp số tiền Ngân hàng thu được từ việc xử lý các Tài sản thế chấp không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm của Ngân hàng thì Công ty con này phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 - Phải thu khác phản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, vào cuối năm 2022, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá toàn bộ số tiền Ngân hàng có thể thu hồi được sau khi Ngân hàng xử lý tài sản cố định đã thế chấp cho khoản vay tối thiểu sẽ đủ đảm bảo cho số dư gốc vay và lãi vay Công ty còn phải trả cho Ngân hàng theo số dư tại ngày 31/12/2022, nên giá trị còn lại của toàn bộ Tài sản cố định này tại ngày 31/12/2022 được Công ty chuyển sang ghi nhận trên khoản mục Phải thu khác là 64.579.058.318 đồng để chờ Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, và Công ty đã trích lập dự phòng số tiền 24.222.808.359 đồng trên cơ sở giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và vô hình tại ngày 31/12/2022 là 64.579.058.318 đồng (TSCĐ hữu hình là 5.231.305.198 đồng và TSCĐ vô hình là 59.347.753.120 đồng) trừ đi số dư gốc vay và lãi vay phải trả tại 31/12/2022 là 40.356.249.959 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Tập đoàn cũng không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay này nên chưa có những điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

27. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2023, Công ty ghi nhận chi phí lãi vay phải trả tăng thêm trong năm 2023 là 4.639.356.676 đồng, do đó tổng số dư gốc và lãi vay quá hạn chưa thanh toán lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 44.995.606.635 đồng (gốc vay là 36.576.136.486 đồng và lãi vay là 8.419.470.149 đồng). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này tổng nợ gốc và lãi vay phải trả ước tính là 50.842.240.619 đồng.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 17/2022/CN.MN-CTTC (Hợp đồng không hủy ngang) ngày 31/03/2022 giữa Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị tài sản cho thuê là 1.367.247.492 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không quá 30/06/2023 là 7%, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không thấp hơn sản lãi suất cho thuê tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong từng thời kỳ. Thời hạn cho thuê là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp theo dự án/phương án thuê tài chính của Công ty. Địa điểm sử dụng tài sản thuê tại Nhà xưởng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng, Lô BII-1, BII-3, BII-5, BII-7 Khu công nghiệp Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Bên bảo lãnh là Công ty Cổ phần Dược phẩm Lâm Đồng (số ĐKKD: 58000000047 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 04/01/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 08/12/2021) cam kết bảo lãnh thanh toán không hủy ngang cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC. Hợp đồng không có tài sản thế chấp và cầm cố.

28. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Số đầu năm

- Tăng trong năm
- Chi quỹ trong năm

Số cuối năm

Năm 2023		Năm 2022	
VND		VND	
1.331.046.728		1.331.046.728	
-		-	
-		-	
1.331.046.728		1.331.046.728	

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÁN LẠI PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	20.722.571.251	18.325.562.138
Cộng	20.722.571.251	18.325.562.138

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU

30.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2022	272.999.900.000	2.889.093.455	(51.821.324.020)	26.579.330.336	250.646.999.771
- Lỗ trong năm	-	-	(103.648.844.408)	(56.226.859.007)	(159.875.703.415)
- Tăng vốn công ty con của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Tại 31/12/2022	272.999.900.000	2.889.093.455	(155.470.168.428)	(22.147.528.671)	98.271.296.356
Tại 01/01/2023	272.999.900.000	2.889.093.455	(155.470.168.428)	(22.147.528.671)	98.271.296.356
- Lỗ trong năm	-	-	(16.161.033.043)	(5.553.002.160)	(21.714.035.203)
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	48.907.881.282	48.907.881.282
Tại 31/12/2023	272.999.900.000	2.889.093.455	(171.631.201.471)	21.207.350.451	125.465.142.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

30.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Ngô Quang Tuấn	7,69%	21.000.000.000	7,69%	21.000.000.000
Bà Đào Thị Thơm	4,77%	13.010.000.000	4,77%	13.010.000.000
Các cổ đông khác	87,54%	238.989.900.000	87,54%	238.989.900.000
Cộng	100%	272.999.900.000	100%	272.999.900.000

30.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	272.999.900.000	272.999.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	272.999.900.000	272.999.900.000
Cổ tức đã chia	-	-
Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu	-	-

30.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.299.990	27.299.990
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	27.299.990	27.299.990
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	27.299.990	27.299.990
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

31. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a. Tổng Doanh thu	6.942.243.525	318.396.504.481
- Doanh thu bán hàng hóa	4.442.491.292	171.124.643.045
- Doanh thu bán thành phẩm	-	91.654.520.525
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.499.752.233	55.617.340.911
Trong đó, Doanh thu với các bên liên quan	2.477.000.000	233.772.933.644
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	50.000.000	-
- Công ty Cổ phần Pomax	27.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	-	129.372.246.374
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice (trước đây là Công ty TNHH MTV Louis Rice)	-	97.129.531.803
- Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư)	-	98.787.880
- Công ty Cổ phần Louis Holdings	-	723.535.353
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	-	452.214.320
- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	2.400.000.000	2.612.121.211
- Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	-	3.126.877.500
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex	-	257.619.203
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	76.419.357	-
- Chiết khấu thương mại	76.419.357	-
c. Doanh thu thuần	6.865.824.168	318.396.504.481

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	4.089.092.161	179.225.814.560
Giá vốn bán thành phẩm	-	82.985.634.444
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.982.829.963	54.098.056.541
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.090.583.302	34.597.491.298
Tổn thất do giảm giá trị bất động sản đầu tư	-	48.390.000.000
Cộng	8.162.505.426	399.296.996.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	38.074.876	5.082.385
Lãi cho vay	50.649.896	142.316.712
Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	-	22.404.480.000
Lãi thanh lý khoản đầu tư vào Công ty con	-	27.272.000
Cộng	88.724.772	22.579.151.097

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.286.878.511	4.519.331.243
Phí giao dịch chứng khoán	-	311.026.628
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	-	6.621.315.939
Cộng	5.286.878.511	11.451.673.810

35. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí bán hàng	795.737.841	87.029.984
- Chi phí nguyên liệu vật liệu	3.634.050	1.871.600
- Chi phí nhân công	495.692.834	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.066.692	71.058.384
- Chi phí bằng tiền khác	10.344.265	14.100.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.235.969.867	51.624.842.674
- Chi phí nhân viên quản lý	5.272.006.333	3.188.339.774
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	484.587.442	132.431.536
- Chi phí khấu hao TSCĐ	326.118.942	1.942.111.213
- Thuế, phí và lệ phí	12.739.300	14.560.450
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	2.747.083.628	1.314.361.837
- Chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(5.766.175.370)	36.264.223.915
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.963.495.384	8.242.025.390
- Chi phí bằng tiền khác	196.114.208	526.788.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

36. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý Tài sản cố định	-	4.629.630
Thu nhập khác	2.986.966	3
Cộng	2.986.966	4.629.633

37. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại các TSCĐ đã bị thu hồi do thế chấp cho khoản vay của Công ty CP XNK Louis Rice tại Ngân hàng	-	28.419.033.179
Chi phí khác liên quan các TSCĐ đã bị thu hồi do thế chấp cho khoản vay của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Louis Rice tại Ngân hàng	-	389.877.484
Phạt vi phạm hành chính	-	292.842.750
Phạt chậm nộp, hành chính thuế	25.159	103.800
Chi phí khác	78.673.482	416.951.818
Cộng	78.698.641	29.518.809.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19.317.026.090)	(146.152.601.121)
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	2.290.937.984	147.311.943.283
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	18.897.562.343	220.750.036.454
+ Chi phí không được trừ	813.708.380	6.424.705.840
+ Nộp phạt vi phạm hành chính, thuế	25.159	292.964.262
+ Chi phí trích lập dự phòng bị loại	19.864.674	69.511.865.283
+ Chi phí khác liên quan các TSCĐ đã bị thu hồi do thế chấp cho khoản vay	-	28.808.910.663
+ Chi phí dự phòng giảm giá HTK không được trừ	2.090.583.302	2.090.583.298
+ Chi phí lãi vay không được trừ	7.342.001.938	5.875.065.632
+ Phần lỗ trong công ty	5.714.771.710	-
+ Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	2.747.083.628	1.314.361.837
+ Chi phí khấu hao TSCĐ không được trừ	-	1.789.466.368
+ Điều chỉnh tăng khác	169.523.552	104.642.113.271
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(16.606.624.359)	(73.438.093.171)
+ Phần lãi trong công ty liên kết	-	(4.846.466.010)
+ Hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư các Công ty con	(10.006.624.359)	(68.491.627.161)
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khi tính thuế	(6.600.000.000)	-
+ Điều chỉnh giảm khác	-	(100.000.000)
Chuyển lỗ	(279.567.335)	(1.035.457.854)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	(17.305.655.441)	123.884.308
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	-	123.884.308
Cộng thuế TNDN hiện hành	-	24.776.862

39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.397.009.113	13.698.325.432
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.397.009.113	13.698.325.432

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(16.161.033.043)	(103.648.844.408)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	27.299.990	27.299.990
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(592)	(3.797)

41. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(16.161.033.043)	(103.648.844.408)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	(592)	(3.797)

42. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	89.363.746.073
Chi phí nhân công	5.770.619.167	3.652.227.568
Chi phí đồ dùng văn phòng	398.751.930	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.392.891.219	5.516.227.200
Thuế, phí và lệ phí	6.239.300	8.560.450
Chi phí dự phòng	(3.675.592.068)	70.861.715.213
Chi phí tổn thất do giảm giá trị bất động sản đầu tư	-	48.390.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.494.734.225	61.520.952.916
Chi phí bằng tiền khác	(29.606.427)	349.739.885
Cộng	8.358.037.346	279.663.169.305

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

43. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2023

	Hoạt động thương mại (bán hàng hóa, nhà xưởng, máy móc thiết bị, bất động sản) VND	Hoạt động bán thành phẩm VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ, cho thuê tài sản VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.442.491.292	(76.419.357)	2.499.752.233	6.865.824.168
Giá vốn bộ phận	(6.179.675.463)	-	(1.982.829.963)	(8.162.505.426)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(1.737.184.171)	(76.419.357)	516.922.270	(1.296.681.258)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(7.031.707.708)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(8.328.388.966)
Doanh thu hoạt động tài chính				88.724.772
Chi phí tài chính				(5.286.878.511)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(5.714.771.710)
Thu nhập khác				2.986.966
Chi phí khác				(78.698.641)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(2.397.009.113)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(21.714.035.203)
Tổng Tài sản				401.250.490.885
Tổng Nợ phải trả				275.785.348.450
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ	444.990.000	-	50.000.000	494.990.000
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn khác	47.196.116	-	2.272.304.168	2.319.500.284

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

43. **BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2022	Hoạt động thương mại (bán hàng hóa, nhà xưởng, máy móc thiết bị)	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.124.643.045	91.654.520.525	55.617.340.911	318.396.504.481
Giá vốn bộ phận	(262.213.305.858)	(82.985.634.444)	(54.098.056.541)	(399.296.996.843)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(91.088.662.813)	8.668.886.081	1.519.284.370	(80.900.492.362)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(51.711.872.658)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(132.612.365.020)
Doanh thu hoạt động tài chính				22.579.151.097
Chi phí tài chính				(11.451.673.810)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				4.846.466.010
Thu nhập khác				4.629.633
Chi phí khác				(29.518.809.031)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(24.776.862)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(159.875.703.415)
Tổng Tài sản				244.935.441.614
Tổng Nợ phải trả				146.664.145.258
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ	89.746.300.000	-	-	89.746.300.000
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn khác	1.628.521.950	953.047.493	343.933.983	2.925.503.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

44. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pomax	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển 299	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư)	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice)	Công ty cùng tập đoàn và Công ty nhận đầu tư
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Louis Rice AG	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Louis Rice Đồng Tháp	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Xây dựng Trường Giang	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Golden Paddy SG	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Ông Lê Quang Nhuận	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Ông Đỗ Thành Nhân	Cùng thành viên lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn
Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
Bà Nguyễn Thị Đông	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phùng Văn Xuân	Nguyên Tổng Giám đốc Công ty
Ông Vũ Anh Sinh	Nguyên Tổng Giám đốc Công ty
Ông Vũ Ngọc Long	Ban Giám đốc Công ty con
Ông Ngô Thực Vũ	Tổng Giám đốc Công ty
Bà Trịnh Thị Thúy Linh	Người có liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
Bà Từ Thị Hồng Thanh	Tổng Giám đốc Công ty con
Bà Ngô Thị Như Phượng	Người liên quan của thành viên lãnh đạo chủ chốt
Bà Mai Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng Công ty con (Đã miễn nhiệm)
Bà Võ Trịnh Ngân Giang	Giám đốc Công ty con
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phó Giám đốc Công ty con
Ông Âu Gia Hiền	Cố đông của Công ty con

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

44. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư		
- Thu tiền bán hàng	55.000.000	-
- Cung cấp dịch vụ tư vấn	50.000.000	-
- Cho vay	600.000.000	-
- Chi phí thuê văn phòng	87.218.181	-
- Thanh toán tiền thuê văn phòng	71.955.000	-
- Lãi cho vay	6.180.822	-
2. Công ty Cổ phần Pomax		
- Doanh thu bán hàng hóa/dịch vụ	27.000.000	-
- Thu tiền bán hàng hóa	27.500.000	-
- Mua hàng hóa	10.037.314.386	-
- Thanh toán tiền hàng	1.442.345.000	-
- Cho vay	2.900.000.000	-
- Lãi cho vay	25.315.069	-
- Thu tiền gốc cho vay	2.900.000.000	-
- Thu tiền lãi cho vay	25.315.069	-
- Vay	350.000.000	-
- Chi phí lãi vay	3.682.192	-
- Thanh toán tiền gốc vay	350.000.000	-
- Thanh toán tiền lãi vay	3.682.192	-
- Đặt cọc	675.000.000	-
3. Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)		
- Cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô, máy móc thiết bị	2.400.000.000	2.612.121.211
- Nhận thanh toán từ việc cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô, máy móc thiết bị	2.084.000.000	2.841.354.839
- Nhận thanh toán từ việc cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị (bao gồm cần trừ công nợ)	203.470.833	-
- Mua máy móc thiết bị thanh lý	-	-
- Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thanh lý	-	6.626.354.839
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	33.695.897	-
- Mua hàng hóa	-	31.199.904
4. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	129.372.246.374
- Mua hàng hóa	-	12.500.000
- Nhận chuyển nhượng cổ phần	21.000.000.000	-
- Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	21.000.000.000	32.500.000.000
- Cần trừ công nợ tiền chuyển nhượng cổ phần	-	32.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

44. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
5. Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư)		
- Cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô	-	98.787.880
- Nhận thanh toán từ việc cung cấp DV cho thuê xe	-	139.686.064
- Chi phí thuê văn phòng	-	375.636.364
- Trả tiền thuê văn phòng	277.200.000	255.000.000
6. Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice)		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	97.129.531.803
- Cho vay	-	6.300.000.000
- Thu lại tiền cho vay	-	5.810.000.000
- Lãi vay	-	56.288.219
- Thu tiền lãi vay	-	16.027.397
- Nhận tiền cổ tức được chia	-	33.988.620
7. Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An		
- Mua hàng hóa	-	19.626.270.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	1.603.350.000
8. Công ty TNHH MTV Louis Rice Đồng Tháp		
- Mua hàng hóa	-	165.490.750
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	165.490.750
9. Công ty Cổ phần Louis Holdings		
- Chuyển nhượng chứng khoán	-	68.900.000.000
- Thu tiền chuyển nhượng	-	68.900.000.000
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	723.535.353
- Thanh toán tiền hàng	-	926.000.000
- Chi phí thuê văn phòng	360.000.000	-
- Thanh toán đặt cọc thuê văn phòng	60.000.000	-
- Thanh toán tiền thuê văn phòng	60.000.000	-
- Cho vay	-	65.000.000
- Chi phí lãi tiền vay	-	280.237.809
- Trả lãi tiền vay	-	278.758.357
- Vay tiền	-	39.450.000.000
- Trả tiền vay	-	39.450.000.000
- Chi phí dịch vụ tư vấn	-	6.000.000.000
- Thanh toán phí dịch vụ tư vấn	-	6.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

44. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
10. Công ty TNHH Lương thực Angimex		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	452.214.320
- Mua hàng hóa	-	14.652.628.690
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	14.652.628.690
11. Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	257.619.203
12. Công ty TNHH MTV Louis Rice AG		
- Mua hàng hóa	-	92.115.250
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	92.115.250
13. Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex		
- Mua hàng hóa	3.125.000	-
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	3.281.250	-
- Bán hàng hóa	-	3.126.877.500
- Thu tiền bán hàng hóa	-	3.126.877.500
14. Công ty Cổ phần Golden Paddy SG		
- Mua hàng hóa	-	36.292.000.000
- Thanh toán tiền hàng	-	59.705.000.000
15. Ông Ngô Quang Tuấn		
- Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty	3.300.000.000	-
16. Ông Vũ Anh Sinh		
- Cho vay	-	445.000.000
- Thu lại tiền cho vay	-	445.000.000
- Lãi vay	-	877.808
- Thu tiền lãi vay	-	877.808
- Tạm ứng	66.753.500	-
- Thu hồi tạm ứng	66.753.500	-
17. Ông Võ Kim Nguyên		
- Tạm ứng	550.745	-
- Thu hồi tạm ứng	3.550.745	-
18. Bà Trịnh Thị Thúy Linh		
- Mua hàng hóa	-	2.500.000.000
- Thanh toán tiền mua hàng hóa	-	2.500.000.000
19. Bà Từ Thị Hồng Thanh		
- Hoàn tạm ứng	-	10.350.000.000
- Trả tiền mượn	-	2.795.000.000
20. Ông Vũ Ngọc Long		
- Nhận góp vốn	-	7.500.000.000
- Nhận tiền mượn	26.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

44. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
21. Ông Lê Quang Nhuận		
- Nhận chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất	-	78.000.000.000
- Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất	-	78.000.000.000
22. Bà Nguyễn Thị Trúc Linh		
- Tạm ứng	15.838.000	-
- Thu hồi tạm ứng	15.838.000	-
23. Bà Mai Thị Kim Phụng		
- Tạm ứng	-	125.000.000
- Thu hồi tạm ứng	-	49.825.000.000
- Thanh toán khoản phải trả khác	680.000.000	-
- Thù lao cộng tác viên	25.000.000	-
- Thanh toán tiền thù lao cộng tác viên	25.000.000	-
24. Bà Võ Trịnh Ngân Giang		
- Hoàn ứng	-	1.135.100.000
- Mượn tiền	-	150.000.000
25. Ông Âu Gia Hiền		
- Thu tiền mượn	130.000.000	-
Số dư với các bên liên quan	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
1. Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Đầu tư		
- Phải thu cho vay ngắn hạn	600.000.000	-
- Phải thu lãi cho vay	6.180.822	-
2. Công ty Cổ Phần Pomax		
- Phải trả người bán	9.172.790.968	-
- Đặt cọc	675.000.000	-
3. Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)		
- Phải trả người bán	-	169.774.936
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	328.529.167	-
4. Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)		
- Phải trả người bán	-	33.695.897
5. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang		
- Phải thu khách hàng	782.832.255	871.832.257
- Phải trả ngắn hạn khác	4.004.004.007	-
6. Công ty Cổ phần Louis Land (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư)		
- Phải trả người bán	-	277.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

44. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan (tiếp)	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
7. Công ty TNHH MTV Louis Rice (nay là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Louis Rice)		
- Phải thu khách hàng	3.351.594.049	3.351.594.049
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.193.000.000	7.193.000.000
- Phải thu gốc cho vay	490.000.000	490.000.000
- Phải thu lãi cho vay	40.260.822	40.260.822
8. Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.022.920.000	18.022.920.000
- Phải trả người bán	18.022.920.000	18.022.920.000
9. Công ty Cổ phần Louis Holdings		
- Trả trước tiền cho người bán	60.000.000	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	65.000.000	65.000.000
- Đặt cọc thuê văn phòng	60.000.000	-
10. Công ty TNHH Lương thực Angimex		
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	113.898.960	113.898.960
11. Công ty TNHH MTV Chế biến Lương Thực Angimex		
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	278.228.739	278.228.739
12. Công ty Cổ phần Golden Paddy SG		
- Phải trả người bán	46.439.759.105	46.439.759.105
13. Bà Từ Thị Hồng Thanh		
- Phải thu khác	45.000.000.000	45.000.000.000
- Tạm ứng	30.045.000.000	30.045.000.000
14. Ông Đỗ Thành Nhân		
- Vốn góp tại Công ty con	13.627.000.000	13.627.000.000
15. Ông Vũ Ngọc Long		
- Vốn góp tại Công ty con	7.600.000.000	7.600.000.000
- Phải trả khác	26.000.000	-
16. Ông Lê Quang Nhuận		
- Vốn góp tại Công ty con	1.200.000.000	1.200.000.000
17. Bà Mai Thị Kim Phượng		
- Phải trả khác	-	680.000.000
18. Bà Võ Trịnh Ngân Giang		
- Phải trả khác	150.000.000	150.000.000
19. Ông Âu Gia Hiền		
- Phải trả khác	130.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

44. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Ông Nguyễn Mai Long	-	425.732.139
- Ông Trịnh Văn Bảo	-	215.487.334
- Ông Ngô Thục Vũ	-	639.164.890
- Ông Vũ Anh Sinh	96.000.000	212.400.000
- Ông Võ Kim Nguyên	1.271.113.335	357.608.696
- Bà Lâm Hồng Phượng	15.052.000	79.474.667
Cộng	1.382.165.335	1.929.867.726

45. THÔNG TIN KHÁC

45.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 22/01/2024, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (“Ladophar”) gửi Công văn số 06/CV-LDP/2024 yêu cầu Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) thanh toán chi phí sửa chữa và bảo dưỡng lớn năm 2022 và năm 2023 cho các tài sản mà Ladophar đang thuê hoạt động từ Công ty với tổng số tiền là 483.325.000 đồng bằng hình thức trừ công nợ. Theo Công văn số 2501/2024/CV-AMC ngày 25/01/2024, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã phản hồi không đồng ý việc thanh toán chi phí nêu trên. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, hai bên chưa có văn bản thỏa thuận thống nhất cuối cùng về việc Công ty có nghĩa vụ thanh toán khoản chi phí nêu trên hay không.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

45.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 27/02/2024, Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Louis AMC (Công ty con) đã ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản đầu tư là nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 678 Kinh Dương Vương, Khu phố 1, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp.HCM cho Ông Nguyễn Xuân Hòa với giá bán là 30 tỷ đồng, giá đã mua ban đầu là 78,39 tỷ đồng. Do đó, vào cuối năm 2022, Tập đoàn đã đánh giá và ghi nhận giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư này số tiền 48,39 tỷ đồng vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và 31/12/2023. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các bên đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu sang tên cho Ông Nguyễn Xuân Hòa và Khách hàng này đã thanh toán số tiền 22 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 07/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 03/06/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái toàn bộ vốn tại các Công ty con sau: Công ty Cổ phần Golden Paddy, Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global, dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đã thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Thu mua Phụ phẩm PBP và Công ty Cổ phần Golden Paddy.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 10/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 17/07/2024 và Nghị quyết số 13/2024/TGG/HĐQT-NQ ngày 27/09/2024 sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 10, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thoái toàn bộ vốn tại Công ty con - Công ty Cổ phần HB Pharma dự kiến thời gian thực hiện trong năm 2024. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty đang trong quá trình thực hiện thoái vốn tại Công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

45. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

45.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

Theo Quyết định số 14/2024/TGG/HĐQT-NQ của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 11/10/2024, Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của 03 Chi nhánh, cụ thể: Chi nhánh Công ty Cổ phần Louis Capital - Trang trại Hòa Bình, Chi nhánh Phú Thọ - Công ty Cổ phần The Golden Group và Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần The Golden Group.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định, không có bất kỳ sự kiện nào khác phát sinh có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

45.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Doanh thu hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bị thu hẹp đáng kể, kết quả kinh doanh bị lỗ qua các năm, khoản lỗ phát sinh trong năm 2023 là 16.161.033.043 đồng và tại ngày 31/12/2023 khoản lỗ lũy kế là 171.631.201.471 đồng, khoản nợ ngắn hạn của Tập đoàn có số dư là 248.161.831.291 đồng đã vượt quá tài sản ngắn hạn có số dư là 171.845.943.698 đồng, đồng thời việc tạm ngưng kinh doanh trong năm 2023 của một số Công ty con trong Tập đoàn là các yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã và đang tái cơ cấu lại các khoản đầu tư không hiệu quả và đầu tư mở rộng vào lĩnh vực kinh doanh mới nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cũng như cải thiện kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Ban Lãnh đạo Tập đoàn tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được Tập đoàn lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào khác gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

45.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tập đoàn đã được kiểm toán và hoàn toàn so sánh được cho Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Quyền Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Nhã